

NGHIÊN CỨU ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC BẦU HẬU QUA TƯ LIỆU VĂN BIA HẬU Ở HẢI DƯƠNG THẾ KỶ XVII

LÊ THỊ THU HƯƠNG*

Tóm tắt: Thờ Hậu là một loại hình tín ngưỡng dân gian xuất phát từ nhu cầu phối thờ người có công vào các cơ sở thờ tự tôn giáo. Mô hình cung tiến báo đáp thể hiện tinh thần “uống nước nhớ nguồn”, sự tri ân tới những người có công đối với làng xã, từ đó khuyến khích mọi thành phần xã hội, những người có hăng sản hăng tâm tham gia vào các hoạt động cộng đồng, đem lại lợi ích thiết thực về mặt kinh tế, văn hóa, tín ngưỡng.

Nội dung văn bia Hậu ở Hải Dương thế kỷ XVII khá phong phú, đối tượng được bầu Hậu là một trong những nội dung chính. Tìm hiểu về đối tượng được bầu Hậu giúp ta hiểu thêm về đạo hiếu trong việc thờ cúng tổ tiên, về vị trí, vai trò của người phụ nữ trong việc nắm giữ kinh tế gia đình cũng như tham gia vào các hoạt động xã hội, về danh vị Hậu mà chính quyền địa phương tôn bầu và cam kết thờ phụng mãi mãi.

Từ khóa: Đối tượng bầu Hậu, văn bia Hậu, danh vị Hậu, Hải Dương, thế kỷ XVII

Abstract: Worshiping Hau is a type of folk belief that stems from the need to integrate the worship of people with meritorious services into religious worship facilities. The model of offering and repaying shows the spirit of "drinking water thanks to the source", gratitude to those who have contributed to the village, thereby encouraging all social groups, those with assets and hearts to participate in community activities, bringing practical benefits in terms of economy, culture, and beliefs.

The content of the Hau stele in Hai Duong in the 17th century is quite rich, person elected as Hau is one of the main contents, it helps us understand more about filial piety in ancestor worship, about the position and role of women in holding the family economy as well as participating in social activities, about the name of Hau that the local government elected and committed to worship forever.

Keywords: Candidates for the Hau election, Hau inscriptions, the name of Hau, Hai Duong province, 17th century

Dẫn nhập: Tín ngưỡng thờ Hậu là một hiện tượng văn hóa có tính phổ biến trong xã hội Việt Nam. Tín ngưỡng này manh nha từ thời Lý Trần, định hình với danh vị Hậu vào thời Lê sơ, được luật hóa trong một số điều lệ của bộ luật Hồng Đức, phát triển mạnh mẽ vào thế kỷ XVII-XVIII¹ và có những biến đổi mạnh mẽ theo xu hướng

binh dân hóa vào thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Văn bia Hậu là sản phẩm của tín ngưỡng thờ Hậu, loại hình văn bia này hiện chiếm hơn nửa số lượng bị ký hiện tồn tại kho thác bản của Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Thế kỷ XVII đánh dấu sự khởi đầu

* TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm

cho phong tục bầu Hậu được phản ánh trên văn bia chữ Hán, chữ Nôm của nhiều địa phương vùng đồng bằng Bắc Bộ, trong đó có Hải Dương.

Bài viết này đi sâu tìm hiểu một trong những nội dung chính của văn bia Hậu đó là đối tượng được bầu Hậu gồm: quan hệ của Hậu với người cung tiến, danh vị Hậu, giới tính của danh vị Hậu. Nguồn tư liệu sử dụng trong bài viết là 145 văn bia Hậu thế kỷ XVII được EFEO sưu tầm ở tỉnh Hải Dương đầu thế kỷ XX hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Trong quá trình thống kê, phân loại chúng tôi sử dụng địa danh của tỉnh Hải

Dương đầu thế kỷ XX do người sưu tầm ghi ở bên lề phải thác bản.

1. Quan hệ giữa người được bầu Hậu với người cung tiến

Theo cách hiểu thông thường đối tượng được bầu Hậu là người cung tiến, tuy nhiên qua nội dung văn bia Hậu Hải Dương thế kỷ XVII, điều đó chưa hoàn toàn đúng. Hậu và người cung tiến cho có 03 nhóm quan hệ:

- Hậu là người cung tiến.
- Hậu là người cung tiến và người thân của họ.
- Hậu không phải là người cung tiến.

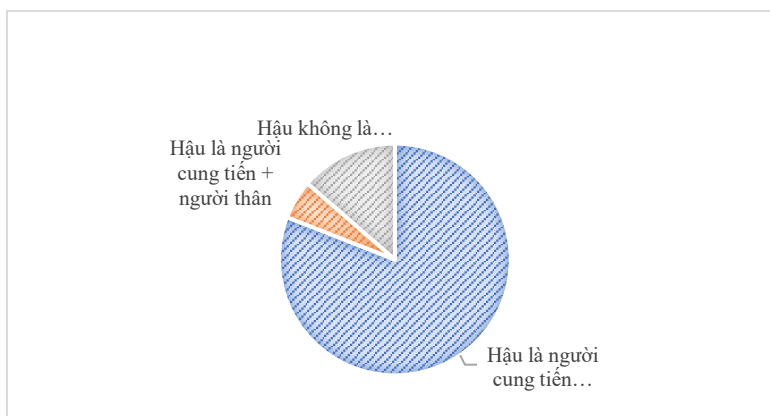
Bảng 1: Thống kê (số văn bia) quan hệ Hậu và người cung tiến

Quan hệ Hậu và người cung tiến	Số văn bia	Tỷ lệ %
Hậu là người cung tiến	117	80,69
Hậu là người cung tiến + người thân	08	5,52
Hậu không phải người cung tiến	20	13,79
Tổng cộng	145	100 %

Kết quả cho thấy số bia Hậu là người cung tiến chiếm đại đa số 117/145 bia (tỷ lệ $\approx 80,69\%$), tiếp đó là Hậu không phải người cung tiến 20/145 bia (tỷ lệ $\approx$

13,79%), Hậu là người cung tiến + người thân chiếm số lượng ít nhất 08/145 bia (tỷ lệ $\approx 5,52\%$). Chúng tôi thể hiện mối quan hệ này qua biểu đồ sau:

Biểu đồ 1: Quan hệ giữa Hậu và người cung tiến



1.1. Hậu là người cung tiến

Trong tổng số 145 văn bia Hậu Hải Dương thế kỷ XVII, chúng tôi thống kê được 117 văn bia Hậu là người cung tiến.

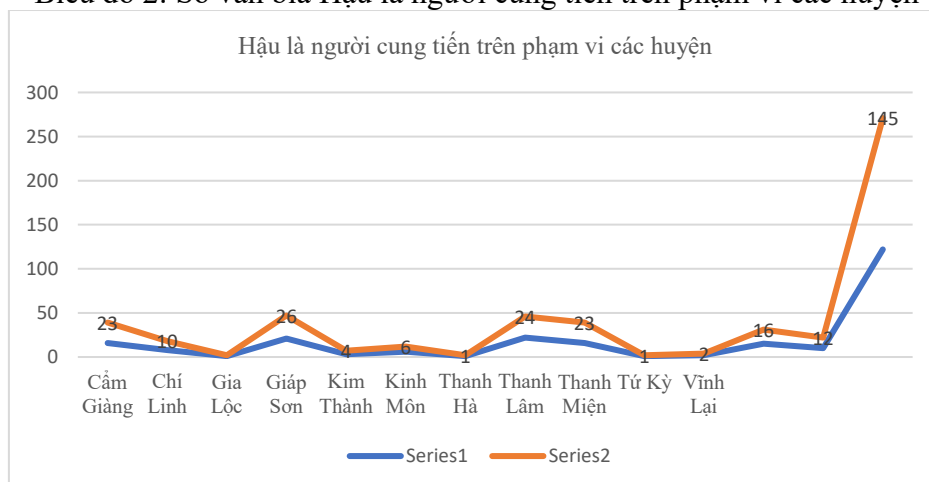
Số văn bia đó phân bố khắp địa bàn 11 huyện của tỉnh Hải Dương. Kết quả thống kê cụ thể:

Bảng 2: Thống kê số văn bia Hậu là người cung tiến của các huyện

Stt	Huyện	Số bia	Tổng số bia
1.	Cầm Giàng	16	23
2.	Chí Linh	8	10
3.	Gia Lộc	21	26
4.	Giáp Sơn	3	4
5.	Kim Thành	6	6
6.	Kinh Môn	2	2
7.	Thanh Hà	20	22
8.	Thanh Lâm	16	23
9.	Thanh Miện	1	1
10.	Tứ Kỳ	15	16
11.	Vĩnh Lại	9	12
Cộng		117	145

Kết quả cho thấy, văn bia 03 huyện: Chí Linh, Gia Lộc có số Hậu là người cung tiến chiếm từ 80% trở lên, huyện Giáp Sơn và Vĩnh Lại chiếm tỷ lệ $\approx 75\%$, huyện Cầm Giàng và Thanh Lâm tỷ lệ $\approx 69,5\%$.

Biểu đồ 2: Số văn bia Hậu là người cung tiến trên phạm vi các huyện



Trên cơ sở 117 văn bia ghi Hậu là người cung tiến, chúng tôi thống kê số người được bầu Hậu/ văn bia. Kết quả như sau:

Bảng 3: Thống kê số Hậu là người cung tiến

Stt	Số người	Số bia	Tổng số Hậu
1.	1 người	67	67
2.	2 người	37	74
3.	3 người	4	12
4.	4 người	4	16
5.	5 người	3	15
6.	6 người	1	6
7.	10 người	1	10
Tổng số		117	200

Kết quả thống kê cho thấy văn bia có 1 người được bầu Hậu số lượng nhiều nhất, 67/117 văn bia (tỷ lệ $\approx 57,26\%$), tương đương 67 vị Hậu; 37 văn bia có 02 người được bầu Hậu (tỷ lệ $\approx 31,62\%$), tương đương 74 vị Hậu; 04 văn bia có 3 người được bầu Hậu (tỷ lệ $\approx 3,41\%$) tương đương với 12 vị Hậu; 3 văn bia có 5 người được bầu Hậu, tương đương 15 vị Hậu; 04 văn bia có 04 người được bầu Hậu, tương đương 16 vị Hậu, 03 văn bia có 05 người được bầu Hậu, tương đương 15 vị Hậu, 1 văn bia có 6 người được bầu Hậu tương đương 06 vị Hậu, chỉ có 01 văn bia có 10 người được bầu Hậu. Tổng cộng có 200 người cung tiến được bầu Hậu.

Bia *Lập Hậu Phật bi kí* 立後佛碑記, N⁰9292/9293 niên hiệu Chính Hòa thứ 9 (1688), sưu tầm tại chùa thôn An Nghĩa xã Lai Cách tổng Lai Cách huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương ghi: “Bà Nguyễn Thị Đề hiệu Từ Khánh, Nguyễn Thị Thái hiệu Diệu Khang người thôn An Nghĩa xã Lai Cách

huyện Cẩm Giàng. Năm Kỉ Mão (2 bà) bỏ 200 quan tiền, 02 mẫu 04 sào ruộng tốt cho bản thôn tu tạo chùa Phật để làm nơi thờ phụng. Nay bản thôn có chùa Phật danh lam cổ tích, tôn lập 02 bà phụ thờ sau Phật (...) lễ tôn kính như nghi lễ thờ Phật vậy”².

Ngoài các cá nhân cung tiến bầu Hậu cho bản thân, còn có 01, 02 hoặc 03 cặp vợ chồng cùng nhau bỏ gia sản cung tiến cho làng xã, cho cơ sở thờ tự để sau khi qua đời được thờ phụng sau Thần, sau Phật. Văn bia *Vô đề*, N⁰11835, thác bản bia thôn Đông xã Nại Xuyên huyện Kim Thành phủ Kinh Môn, sưu tầm tại chùa Kim Liên xã Nại Đông tổng Nại Xuyên huyện Kim Thành, bia dựng năm Chính Hòa thứ 12 (1691), nội dung bia ghi về việc: “Chùa Kim Liên danh lam cổ tích, thiêu hương, tiền đường bị hư hại. Vào tháng 2, cuối mùa đông năm Canh Ngọ (1690), Sĩ huyện Nguyễn Ngọc Quý tự Phúc Ứng hiệu Đạo Thành, vợ bà Lưu Thị Phi (...) đã cúng 20 cột gỗ lim. Bản thôn trên dưới trùng tu,

dựng lại nhà thiêu hương, tiền đường (...). Bản xã ứng bầu ông bà làm Hậu Phật”³. Văn bia ghi 03 cặp vợ chồng cung tiến được bầu Hậu như: *Sáng lập Hậu Phật bi/Cúng điền Hàm Long tự minh kí* 創立後佛碑/供田含寺銘記, N⁰11559/11560, thác bản bia thôn Ngọc Lâu xã Cam Lộ huyện Thanh Hà phủ Nam Sách, sưu tầm tại chùa Hàm Long xã Cam Lộ tổng Hoàng Xá huyện Thanh Hà, dựng năm Vĩnh Trị thứ 1 (1676) chép: “Tôn bầu Hậu Phật Nhị Quang Tiến Thuận Lộc Đại phu Tri đạo quan viên lão kiêm Trùm trưởng viên Sĩ phủ Phạm Văn Vinh tự Phúc Phú và vợ đã mất là bà Nguyễn Thị Trinh hiệu Diệu Quý. Bầu Hậu Phật nguyên là Trùm trưởng kiêm Lão nhiều Phạm Văn Giám tự Đức Trí, vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc, hiệu Diệu Bình. Bầu Hậu Phật là quan viên Chánh Đội trưởng Đặng Vũ Bá kiêm Trùm trưởng Vũ Đắc Lộc tự Phúc Liêm, vợ đã mất là bà Nguyễn Thị Phạm Thị Bàn Diệu Công, hiệu Từ Hậu”⁴.

Tu tạo thạch bi/Hậu thần phụ thực 修造石碑/候神附食, N⁰12782/12783, thác bản bia xã Cát Khê huyện Thanh Lâm phủ Nam Sách, sưu tầm tại đình xã Cát Khê tổng La Đồi phủ Nam Sách tỉnh Hải Dương, dựng năm Cảnh Trị thứ 6 (1668).

Ghi việc các vị như: Phủ hiệu Hiệu sinh Trần Đôn Mô, tự Nhu Trai, hiệu Dưỡng Đạo tiên sinh cúng 1 mẫu ruộng, 1 con lợn. Tiền Phủ hiệu, Hiệu sinh Trần Thời Trung tự Đức Thái, hiệu Lâm Xuyên tiên sinh cúng 1 mẫu ruộng, 1 con lợn. Xã trưởng, lão nhiều Chân Đức Trọng hiệu Văn Nghiêm cúng 30 quan tiền, 1 con lợn (...). Hàng năm lễ Nhập tịch, Cầu phúc, các kỳ tế lễ và kỵ nhật đời sau chuẩn bị lễ gồm 1 con lợn cùng xôi. Bản xã tế lễ lưu truyền vạn đại vĩnh viễn đến vô cùng⁵. Tổng số người cung tiến bầu Hậu lên đến 10 người, đây là văn bia có số người cung tiến bầu Hậu cho bản thân nhiều nhất.

Qua trên có thể thấy, Hậu là người cung tiến chiếm tỷ lệ cao, trong đó văn bia ghi 1 người cung tiến được bầu Hậu có số lượng nhiều nhất với 67/117 văn bia (tỷ lệ $\approx 57,26\%$), lý do có thể vì họ hoàn toàn chủ động về mặt kinh phí, chủ động về thời gian, chủ động lựa chọn cơ sở thờ tự mà không cần có sự bàn bạc, thương thảo với ai khác.

1.2. Hậu là người cung tiến + người thân

Chúng tôi thống kê được 8/145 bia (tỷ lệ $\approx 5.52\%$) Hậu là người cung tiến và người thân của họ. 08 văn bia trên phân bố tại các huyện như sau:

Bảng 4: Thống kê văn bia Hậu là người cung tiến + người thân

Stt	Huyện	Số bia
1.	Cẩm Giàng	3
2.	Gia Lộc	2
3.	Thanh Hà	1
4.	Thanh Lâm	1
5.	Vĩnh Lại	1
Tổng		8

Như vậy chỉ có 05/11 huyện có bia Hậu là người cung tiến cho bản thân + người thân của họ, trong đó huyện Cẩm Giàng có 03 bia, chiếm số lượng nhiều nhất, tiếp đến huyện Gia Lộc có 02 bia, 03 huyện còn lại là Thanh Hà, Thanh Lâm và Vĩnh Lại mỗi huyện có 1 bia. 06 huyện: Chí Linh, Giáp Sơn, Kim Thành, Kim Môn, Thanh

Miện, Tứ Kỳ không có bia nào ghi Hậu là người cung tiến + người thân.

Người thân của Hậu có thể là bố mẹ, chồng (hoặc vợ) của Hậu. Cụ thể: vợ cung tiến bầu Hậu cho bản thân + chồng, người chồng cung tiến bầu Hậu cho bản thân + vợ, con cung tiến bầu Hậu bản thân + bố mẹ (có thể là con gái hoặc vợ chồng con gái). Thống kê cụ thể như sau:

Bảng 5: Quan hệ giữa Hậu và người cung tiến
(trường hợp Hậu là người cung tiến và người thân)

Người cung tiến	Người bầu Hậu	Số văn bia	Số người được bầu Hậu
Con	Bản thân và bố mẹ	4	21
Vợ	Bản thân và chồng	3	6
Chồng	Bản thân và vợ	1	2
Tổng		8	29

Số văn bia con cái cung tiến để bầu Hậu cho bản thân + bố mẹ chiếm số lượng nhiều nhất với 04 bia (tỷ lệ 50%) với 21 người được bầu Hậu, 03 văn bia vợ cung tiến để bầu Hậu cho bản thân + chồng (tỷ lệ 37,5%) với 06 người được bầu Hậu, 01 văn bia chồng cung tiến để bầu Hậu cho bản thân + vợ (tỷ lệ 12,5%) với 02 người được bầu Hậu. Tổng số Hậu là người cung tiến + người thân là 29 người.

Có 04 văn bia ở Hậu Hải Dương thế kỷ XVII chép về việc con cái cung tiến bầu Hậu cho bản thân và cha mẹ. Trong đó Hậu là: con gái + bố mẹ (02 bia); con trai + bố mẹ (01 bia), vợ chồng con gái + bố mẹ (01 bia). *Phạm Vũ Đào Trần/Hậu thân/Tự điền bi ký/Kiến lập* 范武陶陳/後神/祀田碑記/建立, N⁰ 9617/9618/9619/9620, thác bản bia thôn Thị Triền xã Tứ Minh huyện Cẩm Giàng phủ Thượng Hồng, sưu tầm ở đình thôn Hạ xã Tứ Thông tổng Tứ Thông

huyện Cẩm Giàng, dựng năm Chính Hòa thứ 20 (1699) ghi việc bà Vũ Thị Khải hiệu là Từ Vinh và chồng họ Phạm tự là Tiên Hiền, hiệu là Phúc Thịnh người bản giáp đã cúng cho giáp Tây Nam của thôn Tông Thượng xã Tứ Minh 03 mẫu ruộng cùng 200 quan tiền. Quan viên, hương lão tôn bầu ông bà cùng cha mẹ làm Hậu Thần. “Kính bầu Hậu thần 04 người: Tôn thừa Phật pháp có công tôn làm Hậu Thần Vũ Thị Khải, hiệu Từ Vinh. Chồng tốt Tiên lão nhiều Hương trưởng họ Phạm, tự Tiên Hiền, hiệu Phúc Thịnh. Cha mẹ Tiên Thập lý hầu họ Đào tự Phúc Diên. Mẹ họ Trần hiệu Từ Huệ”⁶.

Văn bia *Nhị xã/ Tào lập/ Phụng tự/ Hậu thân* 二社/造立/奉祀/後神, N⁰8869 /8870/8871/8872, thác bản bia sưu tầm tại đình xã Trục Trì tổng An Ninh huyện Thanh Lâm phủ Nam Sách tỉnh Hải Dương, Chính Hoà thứ 7 (1686) chép việc người

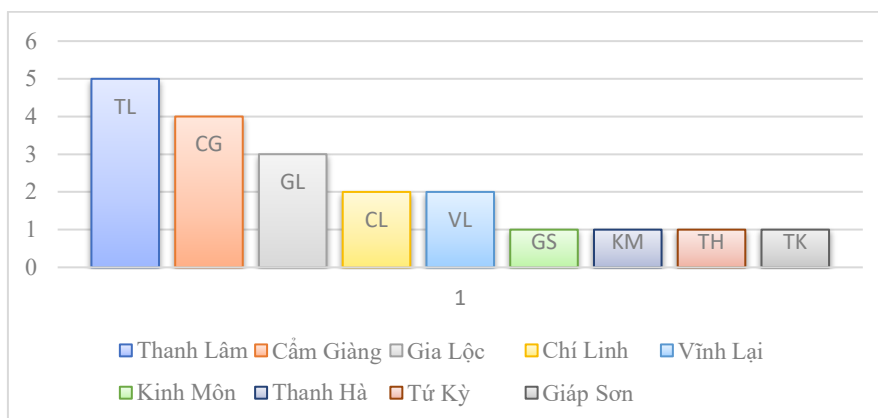
chồng cung tiến để bầu Hậu cho bản thân + vợ: “Chánh đội trưởng Đinh Lộc hầu Hoàng lệnh công, húy Văn Tá, người thôn Đông xã Hộ Xá phát gia tài cúng 1000 quan tiền sử và 4 cây gỗ lim tương đương 100 quan tiền sử cho hai xã (Điền Trì và Hộ Xá) xây dựng đình (...). Từ nay về sau đến nghìn vạn năm (dân hai xã) tôn bầu ông và vợ làm Hậu Thần, vị trí thờ tại hai bên phải trái của đình”⁷. Hoặc người vợ công đức gửi giỗ cho chồng, bản xã bầu cả hai vợ chồng làm Hậu Phật. Điều đó được ghi chép trong văn bia *Minh từ bi/Hậu Phật bi kí/Sùng Quang tự bi/Diễm thôn bi kí* 銘辭碑/艷村碑記/崇光寺碑/後佛碑記, N^o4882/4883/4884/4885 niên hiệu Vĩnh Trị thứ 2 (1677), sưu tầm tại chùa xã Do Nghĩa tổng Đỗ Xá huyện Vĩnh Lại tỉnh Hải Dương chép: “Bà Vũ Thị Thuật người thôn Diễm xã Đa Nghi huyện Vĩnh Lại lập bia gửi giỗ cho chồng là Phạm Văn Lục, tự

Phúc Độ. Vợ chồng kết duyên từ trẻ đến già luôn có đức hạnh, nhà giàu không có con nối dõi, lo bản thân không có người phụng thờ, lưu tâm tích phúc, không tiếc của cải, phát tâm Bồ đề, lấy của cải công đức. Bà công đức cho chùa Sùng Quang 2 sào ruộng cùng 100 quan tiền sử làm vật Tam bảo. Quan viên hương lão trên dưới hai xã Đa Nghi, Do Nghi ứng bầu bà cùng chồng bà là Phạm Văn Lục, tự Phúc Độ làm Hậu Phật”⁸.

1.3. Hậu không phải là người cung tiến

20/145 văn bia (tỷ lệ $\approx 13,79\%$) Hậu không phải là người cung tiến, tập trung ở 09 huyện: huyện Thanh Lâm có 05 bia, Cẩm Giàng có 04 bia, huyện Gia Lộc có 03 bia, huyện Chí Linh và Vĩnh Lại có 02 bia, 04 huyện Giáp Sơn, Kinh Môn, Thanh Hà, Tứ Kỳ mỗi huyện có 01 bia. 02 huyện Kim Thành, Thanh Miện, không có bia nào.

Biểu đồ 3: Số văn bia Hậu không phải là người cung tiến tại các huyện



Quan hệ giữa người được bầu Hậu và người cung tiến khá phong phú. Chủ yếu người được bầu Hậu là những người thân thích, ruột thịt trong gia đình. Hậu có thể là cha mẹ, cha hoặc mẹ được con gái cung tiến bầu Hậu; Hậu là mẹ vợ do con rể và

con gái cung tiến; Hậu là ông bà do cháu đích tôn + vợ chồng con trai cung tiến; Hậu là bà do các cháu cung tiến; Hậu là vợ + mẹ do chồng và các con cung tiến; Hậu là anh chị được các em cung tiến; có trường hợp Hậu là con gái được mẹ cung tiến...

Điều này thể hiện ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện đạo hiếu, tình tương thân, tương ái của những người trong cùng gia đình.

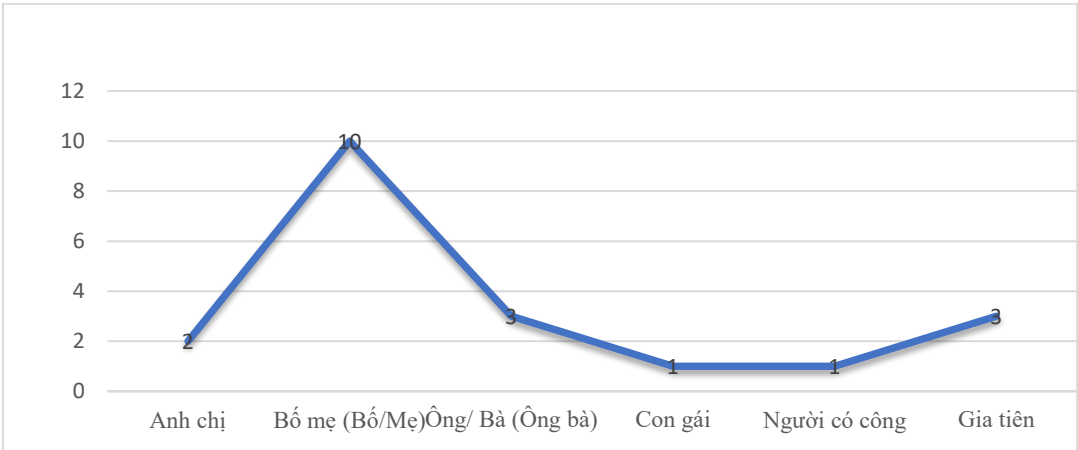
Chúng tôi lập bảng thể hiện mối quan hệ giữa người cung tiến và người được bầu Hậu trên 20 văn bia, kết quả như sau:

Bảng 6: Quan hệ giữa Hậu và người cung tiến (trường hợp Hậu không phải là người cung tiến)

Stt	Người cung tiến	Người bầu Hậu	Số bia
1.	Em trai	Anh trai + chị gái	1
2.	Em trai	Chị gái	1
3.	Bố mẹ	Con gái	1
4.	Con gái	Bố mẹ	2
5.	Con trai	Bố mẹ	2
6.	Con trai	Ông +cha	1
7.	Con trai + con gái	Mẹ	1
8.	Con trai + con gái	Bố mẹ	1
9.	Con trai + con gái	Bố	1
10.	Con + cháu	Bố mẹ (ông bà)	2
11.	Vợ + Con	Chồng (cha)	1
12.	Con cháu	Gia tiên ⁹	3
13.	Cháu trai (nuôi)	Bà	1
14.	Con nuôi	Bố mẹ	1
15.	Dân xã	Người có công	1
	Tổng		20 bia

Với 15 mối quan hệ như trên, tất cả Hậu đều là người thân, người trong gia đình của người cung tiến.

Biểu đồ 4: Hậu không phải là người cung tiến (quan hệ với người cung tiến)



Trong số 20 văn bia Hậu không phải là người cung tiến, số văn bia cung tiến bầu Hậu cho cha mẹ chiếm số lượng nhiều nhất

10/20 văn bia (tỷ lệ 50%). Trong đó có văn bia con gái gửi Hậu cho cha, con gái gửi Hậu cho cha mẹ, chúng tôi đưa ra giả thiết

đây là trường hợp những gia đình không có con trai nối dõi, thờ tự, con gái cung tiến bầu Hậu cho cha mẹ/ cha để sau khi họ qua đời được thờ tự sau Thần, sau Phật. Như trường hợp: Bà Lê Thị Khai hiệu Diệu Chân là người trong thôn, đã cúng cho thôn 70 quan sử tiền và 8 sào ruộng để làm ruộng Tam bảo. Quan viên, dân làng tôn bầu cha mẹ bà Lê Thị Khai là Hiệu sinh họ Lê, tự Đốc Thành, thụy Phúc Thành và bà họ Phạm hiệu Mỹ Thái làm Hậu Phật¹⁰.

Có gia đình có con trai nối dõi, thờ tự nhưng con trai (vợ chồng con trai) vẫn cung tiến gửi Hậu cho cha mẹ. *Tạo bi Hậu thần/ Bản xã tạo tập tân đình bi ký* 造碑後神/本社造立新亭碑記, N⁰13119/13120/13121/13122, thác bản bia suu tầm ở đình xã Thị Đức tổng Thị Đức huyện Gia Lộc, niên đại Dương Đức thứ 1 (1672) chép: “Ông Nguyễn Đắc Thọ tự Phúc Thuận cung tiến 110 quan tiền sử gửi cho cha là Nguyễn công, tự Phúc Hòa, mẹ hiệu là Từ Ân làm Phúc Thần; Ông Phạm Văn Nhân, vợ Trương Thị Đạt cung tiến 100 quan tiền sử, tiền mua 1 cây gỗ để gửi cha là Trương công, tự Phúc Hải, mẹ hiệu Từ Ái làm Hậu Thần”¹¹. Cháu đích tôn + con trai + con gái cung tiến gửi Hậu cho ông bà nội (bố mẹ): “Nay cháu đích tôn là Phạm Hanh Thông cùng con trai là Tri sự Phạm Trọng Giám, Phạm Thị Nhan, Phạm Thị Yển, Phạm Thị Ương cùng dòng họ xuất tiền 240 quan cùng 05 mẫu ruộng tốt ở Đồng Triều cho bản xã. Vì thế bản xã bầu cha là Thủ hợp Phạm quý công tự Công Lý và mẹ là Nguyễn quý thị hiệu Diệu Chất là Hậu thần”¹².

Cha mẹ có con gái mất sớm nên đã cung tiến gửi Hậu cho các con: *Hậu Phật*

bi ký 後伏碑記, N⁰13057/13058, thác bản bia suu tầm ở chùa Vĩnh Khánh xã Phương Xá tổng Phương Xá huyện Gia Lộc, niên đại Chính Hòa thứ 7 (1686) ghi “Ông Lê Trọng Thư và bà Lê Thị Tửu người thôn Hồng Xá xã Hoa Xá huyện Gia Phúc phủ Thượng Hồng gia đình lương thiện (có) con gái là Lê Thị Thái và Lê Thị Trang mất sớm (không) lấy gì chuộc được. Nhân đó (ông bà) phát tâm làm việc hiếu, xin làm Hậu Phật của bản chùa. Bèn xuất ruộng tiền cúng làm vật Tam bảo. Bản thôn trên dưới cùng nói: làng ta có người thật từ tâm, phát của cải công đức, cả làng đều khen việc tốt, bèn theo nguyện vọng của (gia đình) đặt làm Hậu Phật bản chùa”¹³.

Có trường hợp em trai xin bầu Hậu Phật cho anh trai và chị gái: *Lập Hậu Phật bi ký* 立後佛碑記, N⁰9223/9224, niên hiệu Chính Hòa thứ 20 (1699), suu tầm ở chùa thôn An Nghĩa xã Lai Cách tổng Lai Cách huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương chép: “Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân Cẩm y vệ Tri công tượng kỳ cai quan thự vệ sự Hải Quận (...) trộm thấy trong làng có chùa Phật thực là danh lam cổ tích, mà 2 chị trước đây đã phát gia tài 100 quan tiền tu sửa chùa Phật. Nay (ông) muốn phụng thờ anh chị 3 vị sau Phật, ngày rằm, mùng một bốn mùa hương hỏa, khi giỗ 3 ngày xôi gà, hoa quả, đồ ăn ngon dâng cúng biểu thị nghĩa anh em ruột thịt (...) ông lấy 3 mẫu ruộng, 300 quan tiền làm lễ phụng sự thờ cúng, đời đời không đổi”¹⁴.

Trong gia đình truyền thống, đạo hiếu là một trong những chuẩn mực đạo đức, là văn hóa ứng xử của con cháu đối với cha mẹ, ông bà. Đạo hiếu là gốc rễ của đạo làm

người, thể hiện sự trân trọng, báo đáp của con cháu đối với cha mẹ, ông bà, tổ tiên. Việc thờ cúng tổ tiên thường được coi là biểu hiện của đạo hiếu theo quan điểm của Nho giáo. Sách *Lễ ký thiên Tế Thố* nói rằng: “是故孝子之事亲也有三道焉：生則养，没則丧，丧必則祭” (Cho nên người con có hiếu phụng thờ cha mẹ có ba điều: cha mẹ còn sống thì nuôi dưỡng, cha mẹ chết thì lo tang ma, tang ma xong thì phải cúng tế)¹⁵. Mỗi quan hệ giữa Hậu và người cung tiến được ghi chép qua văn bia Hậu ở Hải Dương thế kỷ XVII thể hiện đạo hiếu của người cung tiến với người thân của mình, thể hiện tình cảm, sự kính trọng, tri ân của những người trong cùng huyết thống, cùng gia tộc, mang ý nghĩa nhân văn, nhân ái cao cả.

2. Danh vị Hậu

Theo cách hiểu thông thường thì Hậu Thần, Hậu Phật là những người có công lao hoặc có đóng góp tiền của cho làng xã, cho các cơ sở tôn giáo như đình, chùa được làng xã hoặc cơ sở đó công nhận cho khắc bia thờ, phụ thờ sau Phật ở chùa gọi là Hậu Phật, phụ thờ sau thần làng ở đình là Hậu Thần. Về sau, phương thức bầu Hậu tại các địa phương phát triển mạnh mẽ, xuất hiện thêm những danh vị Hậu mới, phái sinh các dạng Hậu Hiền (thờ sau Khổng Tử và các vị Tiên hiền, thờ ở Văn chỉ), Hậu Giáp, Hậu Văn. Việc tôn bầu Hậu, danh vị Hậu thường theo sở nguyện của cá nhân từng người (ở chùa, đình, đền, văn chỉ, nhà thờ... và được cộng đồng làng xã, cơ sở thờ tự tôn giáo thừa nhận, lưu truyền các nghi thức tế tự chứ không phụ thuộc vào nguồn tài chính mà họ đóng góp¹⁶. Việc tôn bầu

danh vị Hậu tạo ra một danh nghĩa chính đáng cho người cung tiến để giải thích lý do họ được hưởng sự thờ phụng của cộng đồng hoặc thờ phụng tại cơ sở thờ tự của cộng đồng¹⁷.

Khi tìm hiểu về văn bia Hậu, các nhà nghiên cứu đưa ra nhiều tiêu chí khác nhau cho việc xác định, phân loại danh vị Hậu. Có người xác định danh vị Hậu dựa trên cơ sở tiếp nhận và thụ hưởng tài sản cung tiến, có người căn cứ vào cộng đồng tín ngưỡng, có người xác định danh vị Hậu dựa vào vị trí đặt Hậu trong cơ sở thờ tự.... Khảo sát văn bia Hậu ở Hải Dương thế kỷ XVII, chúng tôi nhận thấy, nếu xét tương quan giữa danh vị Hậu và cơ sở thờ tự, có 01 văn bia cơ sở thờ tự là đình nhưng thờ danh vị Hậu Phật, 01 văn bia ghi danh vị Hậu Thần + Hậu Phật; có 07 văn bia cơ sở thờ tự là chùa nhưng thờ Hậu Thần hay danh vị được bầu là Hậu Thần, nhưng cơ sở thờ tự là các giáp¹⁸.

Nếu xét mối tương quan giữa nơi sử dụng tài sản cung tiến và danh vị Hậu: có văn bia đối tượng thụ hưởng số tiền cung tiến là giáp, nhưng danh vị được bầu không phải Hậu Giáp mà là Hậu Thần. Như văn bia *Phạm Vũ Đào Trần/ Hậu Thần/ Tự điền bi ký/ Kiến lập* 范武陶陳/後神/祀田碑記/建立, N^o9617/9618/9619/9620, thác bản lưu tại đình thôn Hạ xã Tứ Thông, tổng Tứ Thông huyện Cẩm Giàng, niên đại Chính Hòa thứ 20 (1699) chép về việc bà Vũ Thị Khải hiệu là Từ Vinh và chồng họ Phạm tự là Tiến Hiền hiệu là Phúc Thịnh người bản giáp, đã cúng cho giáp Tây Nam của thôn Tông Thượng xã Tứ Minh 3 mẫu ruộng cùng 200 quan tiền. Quan viên,

hương lão dân thôn tôn bầu ông bà làm Hậu Thần. Có trường hợp cơ sở tiếp nhận và thụ hưởng tài sản cung tiến là đình và chùa, nhưng có trường hợp đối tượng cung tiến được bầu làm Hậu Thần, có trường hợp được bầu Hậu Thần kiêm Hậu Phật. Như: Ông Trịnh Văn Truyền tự Phúc Đạt và vợ là bà Trịnh Thị Ngọc Lạp cúng cho làng 100 quan tiền sử và một cái ao để mua gỗ làm đình và làm Tam bảo. Quan viên, hương lão và dân làng biết ơn và tôn bầu ông bà làm Hậu Thần¹⁹. Hoặc có trường

hợp cơ sở tiếp nhận tài sản cung tiến là làng/ xã nhưng có người được bầu làm Hậu Thần²⁰, có người được bầu làm Hậu Phật²¹.

Chính vì không có sự thống nhất giữa danh vị Hậu và cơ sở thờ tự, nơi tiếp nhận cung tiến, đối tượng thụ hưởng tài sản cung tiến... nên trong bài viết này chúng tôi căn cứ vào danh vị Hậu được ghi chép trên văn bia để xác định, phân loại Hậu. Trên cơ sở 145 văn bia Hậu tỉnh Hải Dương, chúng tôi thống kê được 05 loại danh vị Hậu:

Bảng 7: Thống kê danh vị Hậu tỉnh Hải Dương thế kỷ XVII

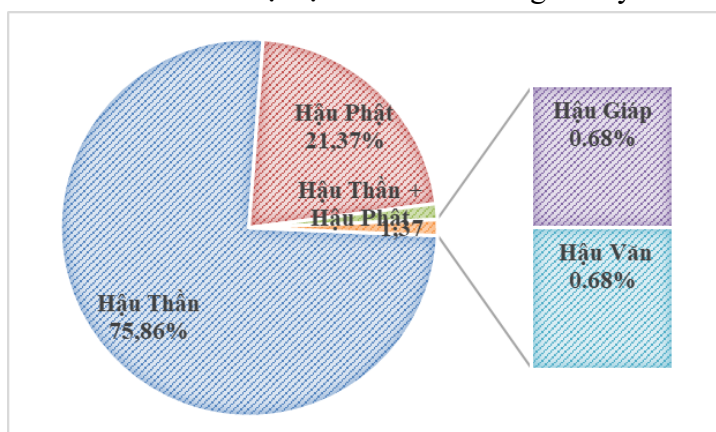
Stt	Hậu	Chùa	Đình	Miếu	Lăng	Văn chỉ	Khác	Số thác bản
1.	Hậu Thần (Hậu Thành Hoàng, Trùm Hậu Thần, Phối Thần, Phụ Hậu Thần)	6	86	9	1	1	7	110
2.	Hậu Phật	30	1					31
3.	Hậu Thần + Hậu Phật	1						2
4.	Hậu Giáp	1						1
5.	Hậu Văn		1					1
Tổng		38	89	9	1	1	7	145

Kết quả thống kê cho thấy, số văn bia Hậu Thần chiếm số lượng nhiều nhất với 110 bia (tỷ lệ 75,86%), đứng thứ 2 là số bia Hậu Phật với 31 bia (tỷ lệ 21,37%), Hậu Thần + Hậu Phật có 02 bia, số bia Hậu còn lại: Hậu Giáp, Hậu Văn mỗi loại có 01 bia. Văn bia *Vô đề*, kí hiệu N⁰12606/12607/12608/12609, sưu tầm tại chùa Kim Quang xã Thượng Đáp tổng Vạn Tả phủ Nam Sách, dựng năm Chính Hòa thứ 19 (1698) ghi việc vợ chồng Nho sinh Nguyễn Nhân

Cảnh và vợ là Hoàng Thị Kiện dòng dõi lệnh tộc đã cúng cho giáp Đông Hậu xã Thượng Giáp 1 mẫu 2 sào ruộng và 100 quan tiền sử để chi dùng vào việc công. Bản giáp nhớ ơn công đức đã tôn bầu ông bà làm Hậu Giáp. Việc thay thế các yếu tố “Thần”, “Phật” trong danh vị Hậu bằng những yếu tố khác khiến cho ý nghĩa của Hậu từng bước vượt ra khỏi khuôn khổ tôn giáo tín ngưỡng vốn có.

Chúng tôi thể hiện qua biểu đồ sau:

Biểu đồ 5: Danh vị Hậu tỉnh Hải Dương thế kỷ XVII



Có sự chênh lệch về danh vị Hậu như trên, có thể do nhu cầu của cá nhân người cung tiến, có thể do quan niệm vùng miền, có nơi người cung tiến mong muốn được thờ phụng sau Thần ở đình. Có nơi người cung tiến mong muốn được phụ thờ sau Phật tại chùa hoặc giả thiết, vào thời điểm đó, số cơ sở thờ tự là đình/ chùa ở địa phương có sự chênh lệch, nơi nào nhiều

chùa thì số Hậu Phật nhiều hơn, nơi nào nhiều đình thì số Hậu Thần nhiều hơn.

3. Giới tính danh vị Hậu

Trên cơ sở mối quan hệ giữa Hậu và người cung tiến, chúng tôi tiến hành thống kê giới tính của danh vị Hậu. Đối với Hậu là người cung tiến (Bảng 3), giới tính của Hậu như sau:

Bảng 8: Giới tính của Hậu là người cung tiến

Stt	Số người	Hậu là nữ	Hậu là nam
	1 người	38	29
2.	2 người	41	33
3.	3 người	7	5
4.	4 người	8	8
5.	5 người	7	8
6.	6 người	3	3
7.	>10 người	0	10
Tổng số		104	96

Có sự chênh lệch giữa Hậu là nam và nữ, với 96 nam/104 nữ điều đó cho thấy nữ giới chủ động cung tiến bầu Hậu cho bản thân nhiều hơn nam giới: trong số 67 văn bia có 1 người cung tiến bầu Hậu cho bản thân 38 nữ/ 29 nam; 37 văn bia 2 người cung tiến bầu Hậu cho bản thân 41 nữ/33

nam; 5 văn bia có 5 người cung tiến bầu Hậu cho bản thân 7 nữ/ 5 nam. Trong số 104 Hậu là phụ nữ, 85/104 người là dân thường (tỷ lệ $\approx 81,73\%$), duy nhất có 2 vị là Cung tần²², 17 người là vợ quan.

Đối với Hậu là người cung tiến + người thân (Bảng 4), giới tính của Hậu như sau:

Bảng 9: Giới tính của Hậu là người cung tiến + người thân

Người cung tiến	Người bầu Hậu	Nữ	Nam
Con	Bản thân và bố mẹ	12	9
Vợ	Bản thân và chồng	3	3
Chồng	Bản thân và vợ	1	1
Tổng		16	13

16 Hậu là phụ nữ (tỷ lệ $\approx 55,17\%$) trong đó 12 Hậu là bản thân và mẹ, 3 Hậu là bản thân và chồng, 1 Hậu là do chồng cung tiến bầu Hậu cho vợ. Trong số 13 Hậu là nam (tỷ lệ $\approx 44,83\%$): 1 Hậu là chồng cung tiến bầu hậu cho vợ, 3 Hậu là vợ cung tiến bầu Hậu cho chồng, 9 Hậu do con cúng tiến bầu cho cha).

Hậu không phải là người cung tiến (Bảng 3), giới tính của Hậu như sau:

Bảng 10: Giới tính của Hậu không phải là người cung tiến

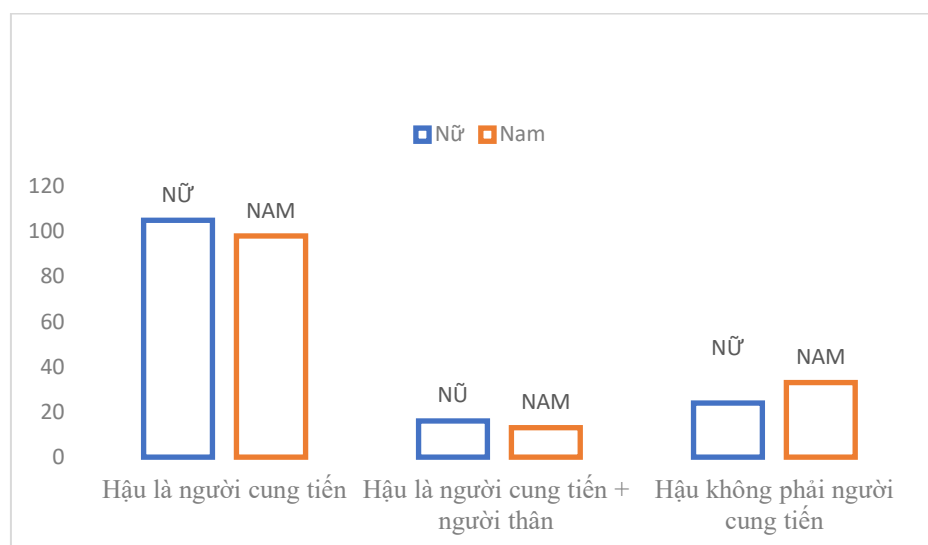
Stt	Người cung tiến	Người bầu Hậu	Nữ	Nam
1.	Em trai	Anh trai + chị gái	1	1
2.	Em trai	Chị gái	2	
3.	Bố mẹ	Con gái	2	
4.	Con gái	Bố mẹ	2	2
5.	Con trai	Bố mẹ	2	2
6.	Con trai	Ông +cha		2
7.	Con trai + con gái	Mẹ	1	
8.	Con trai + con gái	Bố mẹ	1	1
9.	Con trai + con gái	Bố		1
10.	Con + cháu	Bố mẹ (ông bà)	2	2
11.	Vợ + Con	Chồng (cha)		1
12.	Con cháu	Gia tiên ²³	9	9
13.	Cháu trai (nuôi)	Bà	1	
14.	Con nuôi	Bố mẹ	1	1
15.	Dân xã	Người có công		1
	Tổng		24	33

20 văn bia Hậu không phải là người cung tiến chép tổng cộng 57 Hậu, trong đó 24 nữ (tỷ lệ $\approx 42,1\%$), nam 33 người ($\approx 57,9\%$). Khác với 2 trường hợp trên, Hậu không phải là người cung tiến nam nhiều hơn nữ. Điều đó cho thấy phụ nữ chủ động cung tiến cho bản thân và người thân của

họ nhiều hơn so với nam giới. Nam giới được người thân cung tiến bầu Hậu cho nhiều hơn so với nữ giới.

Chúng tôi thể hiện tỷ lệ nam/ nữ trên từng mối quan hệ giữa Hậu và người cung tiến bằng biểu đồ sau:

Biểu đồ 6: Tỷ lệ giới tính Hậu trong từng mối quan hệ với người cung tiến



Tổng hợp lại trong tổng số 286 người được bầu Hậu ghi chép trong 145 văn bia Hậu, nam và nữ là chênh lệch không đáng kể 144 nữ/ 142 nam. Tuy nhiên số Hậu là nữ thường là do cá nhân cung tiến nhiều hơn, Hậu là nam thường cung tiến theo nhóm, có khi lên đến 10 người, được phong Hậu theo kiểu Hậu tập thể. Điều đó cho thấy phụ nữ nói chung, phụ nữ Hải Dương nói riêng, có sự chủ động về mặt tài chính, có quyền quyết định trong việc tham gia vào việc cung tiến bầu Hậu nói riêng, vào các hoạt động mang tính cộng đồng nói chung.

In SunYu khi tìm hiểu về mối quan hệ vợ chồng của các gia đình Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII ông cho rằng: mức độ tự do của người phụ nữ Việt Nam tùy thuộc vào vị thế xã hội của họ. Phụ nữ thuộc tầng lớp quan lại có xu thế bị bó buộc trong gia đình, họ được dạy các nghi thức Nho giáo, không được tự do ra ngoài. Phụ nữ thuộc các tầng lớp dưới thường tham gia vào công việc nhà nông và buôn bán, công việc

nhà nông đòi hỏi họ phải tốn nhiều công sức, mỗi năm có 2 vụ lúa, đòi hỏi đàn bà cũng phải làm nhiều như nam giới. Phụ nữ làm nghề buôn bán thuộc các gia đình nghèo, song một phần đáng kể vốn xuất thân từ những gia đình có địa vị xã hội cao. Cũng chính vì những điều trên, dù thuộc bất cứ tầng lớp nào, phụ nữ Việt Nam cũng có vai trò quan trọng trong kinh tế gia đình, cho phép họ có quyền lực đáng kể trong gia đình. Tiền mà họ kiếm được không chỉ là phần lớn mà đôi khi còn là nguồn thu nhập duy nhất trong gia đình”²⁴.

4. Kết luận

Có 03 mối quan hệ giữa người được bầu Hậu và người cung tiến, đó là: Hậu là người cung tiến, Hậu là người cung tiến + người thân và Hậu không phải người cung tiến. Trong 03 quan hệ trên, số văn bia Hậu là người cung tiến chiếm tỷ lệ nhiều nhất (tỷ lệ $\approx 80,69\%$), ít nhất là số văn bia Hậu là người cung tiến + người thân (tỷ lệ $\approx 5,52\%$). Ngoài việc cung tiến bầu Hậu cho bản thân, nhiều người cung tiến để bầu Hậu

cho người thân của họ: con cung tiến bầu Hậu cho cha mẹ, cháu cung tiến bầu Hậu cho ông bà, cha mẹ cung tiến bầu Hậu cho con cái, em cung tiến bầu Hậu cho anh chị... qua đó thể hiện được đạo hiếu, lòng biết ơn, sự yêu thương đùm bọc giữa các thành viên trong gia đình.

Về giới tính: Trên tổng số 286 người được bầu Hậu được ghi chép trong 145 văn bia Hậu Hải Dương thế kỷ XVII tỷ lệ nam và nữ là tương đương, 144 nữ/142 nam. Trong đó tỷ lệ nữ cung tiến bầu Hậu cho bản thân và người thân nhiều hơn nam giới. Hậu không phải là người cung tiến thì tỷ lệ Hậu là nam lại nhiều hơn nữ. Nữ giới thường cung tiến theo dạng cá nhân, nam giới thường cung tiến theo nhóm người và được bầu Hậu dưới dạng tập thể. Điều này cho thấy, phụ nữ Hải Dương khá chủ động, bình đẳng với nam giới về kinh tế cũng như tham gia vào các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, các hoạt động mang tính cộng đồng. Về danh vị Hậu: Chúng tôi thống kê được 05 loại danh vị, gồm: Hậu Thần (Hậu Thành hoàng, Trùm Hậu Thần, Phối Thần, Phụ Hậu Thần), Hậu Phật, Hậu Thần kiêm Hậu Phật, Hậu Giáp, Hậu Văn. Trong đó số văn bia Hậu Thần chiếm số lượng nhiều hơn cả 110 bia (tỷ lệ $\approx 75,86\%$), tiếp đến là Hậu Phật với 31 văn bia (tỷ lệ $\approx 21,37\%$), Hậu Thần + Hậu Phật với 02 văn bia (tỷ lệ $\approx 1,38\%$), Hậu Giáp và Hậu Văn mỗi loại 01 văn bia (tỷ lệ $\approx 0,68\%$).

Tìm hiểu về đối tượng được bầu Hậu qua văn bia Hậu giúp chúng ta hiểu rõ hơn về đời sống sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng của người dân, một hoạt động mang đậm tính nhân văn và có sức lan tỏa lớn trong

cộng đồng, làng xã Việt Nam nói chung, Hải Dương nói riêng trong chiều dài lịch sử 100 năm thuộc thế kỷ XVII./.

L.T.T.H

Chú thích và tài liệu tham khảo

1. Xem thêm: Trịnh Khắc Mạnh (2022), “Bàn thêm về thời điểm xuất hiện tục thờ Hậu, danh vị Hậu và văn bia Hậu ở Việt Nam”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 (174), tr.59-70.

2. Nguyên văn chữ Hán: “上洪府錦江縣來格社安義村阮氏低號慈慶, 阮氏泰號妙康 [...]. 己卯年發家錢貳百緡, 肥田貳畝四箇許本村修造佛寺以供奉事。茲本村有名藍古跡佛寺, 尊立貳位附佛之後 [...] 尊敬之禮亦如事佛之儀矣”, *Lập Hậu Phật bi kí* 立後佛碑記, N⁰9292/9293.

3. Nguyên văn chữ Hán: “原古跡名藍金蓮寺燒香前堂積弊。至庚午[。]貳月季冬, 仕縣阮玉貴字福應號道誠, 妻劉氏悱(。)鉄林貳拾柱。本村上下重修構作燒香前堂(。)。本社應為後佛”, Vô đề, N⁰11835.

4. Nguyên văn chữ Hán: “一保置後佛貳光進順祿大夫知[導]官員老兼仝長員仕府范文榮字福富, 妻故阮氏貞號妙貴。一保置後佛原仝長兼老饒范文監字德智, 妻阮氏玉號妙平。一保置後佛官員正隊長鄧武伯兼仝長武得祿字福兼, 妻故范氏盤妙公號慈厚”, *Sáng lập Hậu Phật bi* 創立後佛碑, N⁰11560.

5. Nguyên văn chữ Hán: “前府校校生陳敦謨字儒齊號養道先生田一畝, 猪一口。前府校校生陳時中字德泰號林川先生田一畝, 猪一口。社長老饒。僚字真德重號文嚴錢三十貫, 猪一口(。)。係遞年入席, 祈福, 遞駕祭禮并忌日後代猪一口并炊。本社祭禮留傳萬世永無窮矣”, *Tu tạo thạch bi* 修造石碑, N⁰12782.

6. Nguyên văn chữ Hán: “敬保候神肆名: 遵承佛法有公尊為後神武氏暄號慈榮。前

良夫受老饒鄉長范貴公字進賢号福盛。雙親前十里侯陶貴公字福延。顯妣陳氏號慈惠”，*Phạm Vũ Đào Trần/ Hậu Thần/ Tự điển bi kí/ Kiến lập* 范武陶陳/後神/祀田碑記/建立，N⁰9617/9618/9619/9620.

7. Nguyên văn chữ Hán: “正隊長穎祿侯黃令公諱文佐，戶舍東村人（。。。）發家財使錢壹千貫并鉄林大柱四株當使錢壹百貫許二社構作大亭（。。。）。嗣今以後至于千萬斯年尊事令公，孺人為後神，設位在大亭左右兩邊”，*Nhị xã/ Tạo lập/ Tạo lập/Phụng tự/ Hậu Thần* 二社/ 造立/ 奉祀/ 後神 N⁰8869/8870/8871/8872.

8. Nguyên văn chữ Hán: “下洪府永賴縣多儀社艷村婦女武氏述立碑寄與良夫范文陸字福度。夫妻結髮，自少時至老，頗有德行，富家無有子息，慮其身恐非奉祀，留心積福，不惜財貲，發菩提心，以資功德。功德崇光寺田貳畝并使錢一百貫功德為三宝物 [...] 多儀由義二社艷村官員鄉老上下等共應置為後佛，與良夫范文陸字福度為後佛”，*Minh từ bi/ Diễm thôn bi kí/ Sùng Quang tự bi/ Hậu Phật bi kí* 銘辭碑/艷村碑記/崇光寺碑/後佛碑記，N⁰4882/4883/4884/4885.

9. Gia tiên: cụ, ông, bố, mẹ, bố vợ, bác trai...

10. *Hậu Phật bi* 後佛碑，N⁰13063/13064.

11. “阮得壽字福順恭進使錢壹百拾貫寄與顯考阮公字福和，顯妣號慈恩為後神。范文仁妻張氏達恭進使錢壹百貫，錢林壹柱寄與顯考張公字福海，顯妣號慈愛為後神”，*Tạo bi Hậu thần/ Bản xã tạo tập tân đình bi ký* 造碑後神/本社造立新亭碑記，N⁰13119/13120/13121/13122.

12. Nguyên văn chữ Hán: “茲嫡孫范亨通與男子知事范仲鑑，范氏顏，范氏宴，范氏鶯全族等再出錢古錢貳百肆拾貫，肥田同潮共五畝留與本社。而本社應保前親父首合范貴公字公理，阮貴氏號妙質為後神貳位。

13. Nguyên văn chữ Hán: “下洪府嘉福縣華舍社洪舍村良家黎仲舒，黎氏酒等有親女黎氏泰，黎氏壯捨化歸西將何贖得。因茲發心及孝，願為本寺後伏。乃所出田錢供為三宝物（。。。）本村上下等謂曰：鄉吾有人及孝慈心，發財功德，鄉皆稱善乃隨其所欲置為本寺後伏”，*Hậu Phật bi kí* 後佛碑記，N⁰13057/13058.

14. Nguyên văn chữ Hán: “特進輔國上將軍錦衣衛知公象右象奇該官署衛事海郡公 (...) 竊見里中佛寺實為古跡名藍，且二娣前已發家財錢壹百緡修理佛寺。今欲奉兄弟三位附佛之後，朔望四時香火六供。忌辰三日炊鷄庶羞庶俵同胞之義（。。。）以田三畝古錢三百緡留為奉事祭祀之禮，世世不遷”，*Lập Hậu Phật bi kí* 立後佛碑記，N⁰9223/9224.

15. Xem thêm Nguyễn Tôn Nhan (Biên dịch và chú giải -1999), *Kinh Lễ*; NXB. Văn Học, TP.HCM, tr.202.

16. Trịnh Khắc Mạnh (2023), “Quan niệm về cung tiến, bầu Hậu và văn bia Hậu ở Việt Nam qua khảo sát nguồn tư liệu văn bia Hậu tại Hải Dương thế kỷ XVII - XVIII”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 6 (181), tr.18-19.

17. Nguyễn Văn Nguyên (2024), sđd, tr.199.

18. *Hậu Thần bi kí* 后神碑記，N⁰2923/2924.

19. *Hậu Thần bi kí/ Toàn thôn bi kí* 後神碑記/全村碑記，N⁰11736/11737.

20. *Hậu Thần bi kí* 后神碑記，N⁰2923/2924.

21. “本村阮文物 以家財銅使錢五拾貫錢并田五高許與本村奉事附食阮文物為後佛”，*Hậu Phật bi kí* 後佛碑記，N⁰10267/10268.

22. Yu Insun (2023), *Luật và xã hội Việt Nam thế kỷ XVII -XVIII*, NXB. Khoa học xã hội, tr.92.

23. Lê Thị Thu Hương (2023), “Khảo cứu sự phân bố hệ thống văn bia Hậu tại Hải Dương thế kỷ XVII”, *Nghiên cứu Hán Nôm học năm 2023*. (Kỷ yếu HTKH cấp Quốc gia có phản biện), NXB. Thế giới, ISBN 978 -604-77-6513-3.
24. Lê Thị Thu Hương (2023), “Nghiên cứu văn bia Hậu Phật tỉnh Hải Dương thế kỷ XVII”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (177), tr.69 - 83. ISSN 8066- 8639.
25. Lê Thị Thu Hương (2024), “Nghiên cứu tài sản cung tiến cho danh vị Hậu Phật vùng Đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVII”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (182), tr.36-49.
26. Nguyễn Văn Nguyên (2024), *Hoạt động cung tiến và lệ bầu Hậu*, NXB. Tổng hợp TP. HCM.
27. Philippe Papin (2022), “Cách thức thống kê, phân loại văn bia cung tiến và hình thức bầu Hậu”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2, tr.12- 20.
28. Trần Trọng Dương (2022), “Khái niệm, cấu trúc và loại hình Hậu”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2, tr.21-35.
29. Trịnh Khắc Mạnh (2022), “Bàn thêm về thời điểm xuất hiện tục thờ Hậu, danh vị Hậu và văn bia Hậu ở Việt Nam”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 (174), tr.59-70.
30. Trịnh Khắc Mạnh (chủ biên, 2008 - 2020), *Thư mục thạc bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, 8 tập (1-8), NXB. Văn hóa Thông tin. 2008 - 2020, 3 tập (9-11), NXB. Khoa học xã hội.
31. Yu Insun (2023), *Luật và xã hội Việt Nam thế kỷ XVII -XVIII*, NXB. Khoa học xã hội, tr.69, 105.